

Số : *334*/SYT-NVD

Đồng Nai, ngày *19* tháng 5 năm 2019

V/v: báo cáo, thông kê thuốc,
nguyên liệu làm thuốc phải kiểm
soát đặc biệt phục vụ công tác
phòng chống ma túy.

Kính gửi:

- Các đơn vị trực thuộc Sở Y tế;
- Trưởng Phòng Y tế các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa;
- Các bệnh viện đa khoa tư nhân;
- Các cơ sở sản xuất, kinh doanh dược trên địa bàn.
(gọi tắt là các đơn vị)

- Căn cứ Văn bản số 4483/UBND-NC ngày 23/4/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc triển khai thực hiện Quyết định số 13/2019/QĐ-TTg bổ sung một số điều của Quyết định số 127/2009/QĐ-TTg ngày 26/10/2009 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Chế độ báo cáo thống kê về phòng, chống ma túy.

Để triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 13/2019/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 127/2009/QĐ-TTg ngày 26/10/2009 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Chế độ báo cáo thống kê về phòng, chống ma túy. Giám đốc Sở Y tế yêu cầu các đơn vị thực hiện một số nội dung sau:

1. Các đơn vị thống kê số liệu xuất, nhập, tồn kho, sử dụng thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất theo Mẫu số 11, 12, 13, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 54/2017/NĐ-CP và gửi Sở Y tế.

2. Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai

- Tổng hợp báo cáo số liệu xuất, nhập, tồn kho, sử dụng thuốc Methadone tại các cơ sở Điều trị Methadone trong toàn tỉnh.

- Hệ thống tổ chức, biên chế làm công tác phòng, chống ma túy; cơ sở vật chất trang bị cho công tác phòng, chống ma túy.

- Kết quả nghiên cứu thuốc và phương pháp hỗ trợ điều trị nghiện ma túy.

- Số giấy phép lưu hành thuốc hỗ trợ điều trị nghiện ma túy được cấp, thu hồi.

- Số liệu người nghiện các chất dạng thuốc phiện được điều trị bằng thuốc thay thế.

- Số liệu người đã được cơ quan y tế xác nhận tình trạng nghiện.

3. Trường Phòng Y tế các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa chỉ đạo các cơ sở kinh doanh dược và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (tư nhân) báo cáo số liệu xuất, nhập, tồn kho, sử dụng (như mục 1). Tổng hợp số liệu báo cáo của các cơ sở gửi về Sở Y tế.

4. Thời gian báo cáo:

- Báo cáo 6 tháng: Số liệu tính từ ngày 01 tháng 11 của năm trước đến ngày 30 tháng 4 của năm báo cáo. Báo cáo 6 tháng gửi trước ngày 05 tháng 5.

- Báo cáo năm: Số liệu tính từ ngày 01 tháng 11 của năm trước đến ngày 31 tháng 10 của năm báo cáo. Báo cáo năm gửi trước ngày 05 tháng 11.

- Riêng báo cáo 6 tháng đầu năm 2019 gửi trước ngày ... /5/2019.

(gửi kèm file mềm về địa chỉ mail: phongnghiepvduocdn@gmail.com)

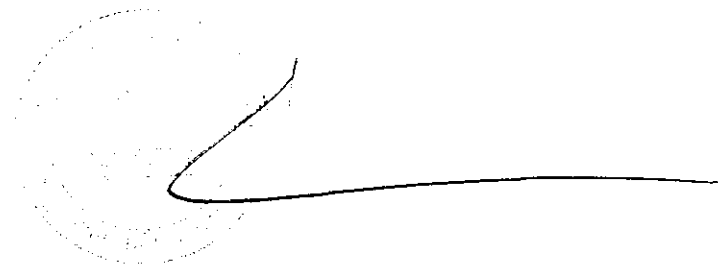
Yêu cầu các đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện./.

(Đính kèm văn bản số 4483/UBND-NC ngày 23/4/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai và các biểu mẫu báo cáo)

Nơi nhận

- Như trên;
- Lưu: VT, NVD.

GIÁM ĐỐC ✓



Phan Huy Anh Vũ

Tên cơ sở:

Số:

BÁO CÁO XUẤT, NHẬP TỒN, SỬ DỤNG THUỐC DẠNG PHỐI HỢP CHỨA DƯỢC CHẤT GÂY NGHIỆN/ THUỐC DẠNG PHỐI HỢP CHỨA DƯỢC CHẤT HƯỚNG THẦN/ THUỐC DẠNG PHỐI HỢP CHỨA TIỀN CHẤT

Kính gửi: Sở Y tế tỉnh Đồng Nai

TT	Tên thuốc dạng bào chế, quy cách đóng gói	Thành phần, nồng độ/ hàm lượng	Tên dược chất GN/HT/TC - hàm lượng có trong 1 đơn vị đã chia liều hoặc chưa chia liều	Số giấy phép nhập khẩu	Đơn vị tính	Số lượng tồn kho kỳ trước chuyển sang	Số lượng nhập trong kỳ	Tổng số	Số lượng xuất trong kỳ	Tồn kho cuối kỳ	Số lượng hao hụt
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(1)

* Số lượng hao hụt bao gồm cả hỏng, vỡ, hết hạn dùng... Nếu có, cần báo cáo chi tiết

** Chú ý: Số lượng báo cáo phải được cập nhật ngay trước thời gian lập đơn hàng đề nghị nhập khẩu.

Báo cáo phải kèm theo danh sách chi tiết tên, địa chỉ khách hàng theo từng lần xuất hàng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu tại cơ sở.

....., ngày tháng năm

Người đại diện pháp luật/ Người được ủy quyền
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh đóng dấu (nếu có))

Tên cơ sở:

Số:

BÁO CÁO XUẤT, NHẬP, TỒN KHO, SỬ DỤNG THUỐC GÂY NGHIỆN/ THUỐC HƯỚNG THẦN/ THUỐC TIỀN CHẤT

Kính gửi Sở Y tế tỉnh Đồng Nai

TT	Tên thuốc, dạng bào chế, nồng độ/hàm lượng, quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số giấy phép nhập khẩu/Số công văn cho phép mua trong nước	Số lượng tồn kho kỳ trước chuyển sang	Số lượng nhập trong kỳ	Tổng số	Số lượng xuất trong kỳ	Tồn kho cuối kỳ	Số lượng hao hụt	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)

* Số lượng hao hụt hao gồm cả hỏng, vỡ, hết hạn dùng... Nếu có, cần báo cáo chi tiết

** Chú ý: Số lượng báo cáo phải được cập nhật ngay trước thời gian lập đơn hàng đề nghị nhập khẩu.

Báo cáo phải kèm theo danh sách chi tiết tên, địa chỉ khách hàng theo từng lần xuất hàng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu tại cơ sở.

....., ngày tháng năm

Người đại diện pháp luật/ Người được ủy quyền
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh đóng dấu (nếu có))

Số: 4483 /UBND-NC
V/v triển khai thực hiện Quyết định
số 13/2019/QĐ-TTg ngày 27/02/2019
của Thủ tướng Chính phủ

Đồng Nai, ngày 28 tháng 4 năm 2019

Kính gửi:

- Công an tỉnh;
- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Sở Y tế, Sở Tư pháp;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Sở Công thương;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Cục Hải quan Đồng Nai;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các Trường đại học, cao đẳng
và trung cấp trên địa bàn tỉnh.

Ngày 27/02/2019, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 13/2019/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 127/2009/QĐ-TTg ngày 26/10/2009 về ban hành Chế độ báo cáo thống kê về phòng, chống ma túy (**File điện tử đính kèm**)

Để tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 13/2019/QĐ-TTg ngày 27/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu các sở, ngành, địa phương thực hiện một số nhiệm vụ sau:

1. Các sở, ngành, địa phương tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc các nội dung Quyết định số 13/2019/QĐ-TTg ngày 27/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 127/2009/QĐ-TTg ngày 26/10/2009 về ban hành Chế độ báo cáo thống kê về phòng, chống ma túy.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Thống kê số liệu về người nghiện ma túy và cai nghiện ma túy trong các cơ sở cai nghiện tại gia đình, cộng đồng theo các chỉ tiêu quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Quyết định số 127/2009/QĐ-TTg ngày 26/10/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

- Phối hợp với Công an tỉnh thống nhất về số liệu người sử dụng ma túy, người nghiện ma túy và cai nghiện ma túy trên toàn tỉnh.

- Thống kê số liệu về giải quyết các vấn đề xã hội sau cai nghiện theo các chỉ tiêu quy định tại điểm c, d khoản 1 Điều 2.

- Thống kê số liệu về hợp tác quốc tế theo các chỉ tiêu quy định tại điểm a khoản 5 và việc sử dụng kinh phí cho công tác phòng, chống ma túy quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 2.

- Thống kê số liệu học sinh, sinh viên, giáo viên, giảng viên, cán bộ, nhân viên nghiệp ma túy trong hệ thống các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chịu sự quản lý nhà nước của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội theo các chỉ tiêu sau:

+ Chỉ tiêu về học sinh, sinh viên, giáo viên, giảng viên, cán bộ, nhân viên nghiệp ma túy theo từng địa phương và theo từng cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

+ Chỉ tiêu về học sinh, sinh viên bỏ học, buộc thôi học do nghiệp ma túy.

+ Chỉ tiêu về học sinh, sinh viên, giáo viên, giảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động phạm tội về ma túy.

+ Chỉ tiêu về tình hình và kết quả công tác phòng, chống tệ nạn ma túy trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

3. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

Thống kê số liệu về phòng, chống tội phạm ma túy theo các chỉ tiêu quy định tại điểm a, b, c, d, đ khoản 2 và khoản 5, 6, 7, 8 Điều 2.

4. Sở Y tế

Thống kê số liệu về thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất; thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất; nguyên liệu là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất sử dụng trong lĩnh vực y tế, phân tích, kiểm nghiệm và nghiên cứu khoa học theo các chỉ tiêu quy định tại khoản 4, khoản 8 Điều 2 và các chỉ tiêu sau:

✍ Kết quả nghiên cứu thuốc và phương pháp hỗ trợ điều trị nghiện ma túy.

- Số Giấy phép lưu hành thuốc hỗ trợ điều trị nghiện ma túy được cấp, thu hồi.

✍ Số liệu người nghiện các chất dạng thuốc phiện được điều trị bằng thuốc thay thế.

✍ Số liệu người đã được cơ quan y tế xác nhận tình trạng nghiện.

- Số liệu dự trữ nhu cầu sử dụng các chất gây nghiện, chất hướng thần và tiền chất trong y tế.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Báo cáo thống kê về các chương trình, dự án mà Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai phục vụ cho việc chống trồng cây có chứa chất ma túy.

- Thống kê số liệu về xuất khẩu, nhập khẩu, mua bán, sản xuất, tồn trữ và sử dụng thuốc thú y có chứa chất ma túy, hoạt chất hướng thần và tiền chất theo các chỉ tiêu quy định tại khoản 4, khoản 8 Điều 2.

6. Sở Công thương và Cục Hải quan Đồng Nai

Sở Công thương chủ trì, phối hợp với Cục Hải quan Đồng Nai và các đơn vị liên quan thống kê số liệu về xuất khẩu, nhập khẩu, mua bán, sản xuất, tồn trữ và sử dụng tiền chất trong lĩnh vực công nghiệp, thương mại theo các chỉ tiêu quy định tại khoản 4 Điều 2.

7. Sở Giáo dục - Đào tạo và các Trường đại học, cao đẳng, trung cấp trên địa bàn tỉnh

Thống kê số liệu học sinh, sinh viên, giáo viên, giảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động nghiện ma túy và công tác phòng, chống ma túy trong các trường học chịu sự quản lý nhà nước của Sở Giáo dục - Đào tạo; các trường đại học, cao đẳng, trung cấp trên địa bàn tỉnh theo các chỉ tiêu sau:

- Chỉ tiêu về học sinh, sinh viên, giáo viên, giảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động nghiện ma túy theo từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và theo từng trường học.

- Chỉ tiêu về học sinh, sinh viên bỏ học, buộc thôi học do nghiện ma túy.

- Chỉ tiêu về học sinh, sinh viên, giáo viên, giảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động phạm tội về ma túy.

- Chỉ tiêu về tình hình và kết quả công tác phòng, chống tệ nạn ma túy trong trường học.

8. Sở Tư pháp

Thống kê số liệu về phòng, chống ma túy theo các chỉ tiêu sau:

- Chỉ tiêu về sửa đổi, bổ sung và ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống ma túy.

- Chỉ tiêu về công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về phòng, chống ma túy.

9. Cục Thi hành án dân sự tỉnh

Thống kê số liệu về phòng, chống ma túy theo các chỉ tiêu sau:

- Số liệu về thi hành án dân sự các tội phạm về ma túy quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 2.

- Chỉ tiêu về tài sản được thi hành án từ các vụ án phạm tội về ma túy.

- Chỉ tiêu về lưu giữ, bảo quản, tiêu hủy, xử lý chất ma túy, tiền chất là tang vật của các vụ án ở từng địa phương trong giai đoạn thi hành án.

10. Công an tỉnh

- Thực hiện thống kê nhà nước về phòng, chống ma túy; quản lý thông tin các tội phạm về ma túy, cụ thể:

+ Tổng hợp và hệ thống hoá thông tin thống kê về phòng, chống ma túy của các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

+ Xây dựng và quản lý dữ liệu về phòng, chống ma túy.

+ Chỉ đạo lực lượng Công an các cấp giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp thu thập, quản lý thông tin thống kê về phòng, chống ma túy.

- Thống kê số liệu tội phạm và đấu tranh chống tội phạm về ma túy theo các chỉ tiêu quy định tại điểm a, b khoản 2; khoản 4, 5, 6, 7, 8 Điều 2.

- Thống kê số liệu người sử dụng trái phép chất ma túy, người nghiện ma túy hiện tại chưa được cai nghiện ngoài xã hội, trong nhà tạm giữ; người sử dụng trái phép chất ma túy, người nghiện ma túy và cai nghiện ma túy trong trại tạm giam, các nhà tạm giữ theo các chỉ tiêu quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 2. Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để thống nhất số liệu về cai nghiện ma túy toàn tỉnh.

- Là đầu mối phối hợp thực hiện trao đổi, hợp tác quốc tế về thống kê phòng, chống ma túy.

- Thống kê chỉ tiêu về xã, phường, thị trấn không có tệ nạn ma túy.

11. UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa

Phối hợp các sở, ngành thực hiện các nội dung nhiệm vụ trên.

12. Chế độ báo cáo

Các sở, ngành, địa phương gửi báo cáo về Công an tỉnh (qua Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy) như sau:

- Báo cáo tháng: Trước ngày 05 hàng tháng (số liệu được tính từ ngày 01 đến ngày cuối cùng của tháng).

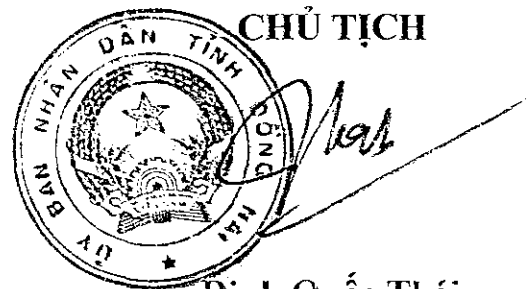
- Báo cáo 6 tháng: Số liệu tính từ ngày 01 tháng 11 của năm trước đến ngày 30 tháng 4 của năm báo cáo. Báo cáo 06 tháng gửi trước ngày 05 tháng 5.

- Báo cáo năm số liệu tính từ ngày 01 tháng 11 của năm trước đến 31 tháng 10 của năm báo cáo. Báo cáo năm gửi trước ngày 05 tháng 11.

Giao Công an tỉnh theo dõi, đôn đốc các sở, ngành, địa phương triển khai thực hiện đúng các quy định tại Quyết định số 13/2019/QĐ-TTg ngày 27/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ; tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh để báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên (thực hiện);
- TT. Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, PCT. Nguyễn Hòa Hiệp;
- Các sở, ban, ngành;
- Chánh - PCVP. VX.
- Lưu: VT, NC, VX.



Đinh Quốc Thái

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 13/2019/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 127/2009/QĐ-TTg ngày 26 tháng 10 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chế độ báo cáo thống kê về phòng, chống ma túy

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật phòng, chống ma túy ngày 09 tháng 12 năm 2000 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống ma túy ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Luật thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 127/2009/QĐ-TTg ngày 26 tháng 10 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chế độ báo cáo thống kê về phòng, chống ma túy.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 127/2009/QĐ-TTg ngày 26 tháng 10 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chế độ báo cáo thống kê về phòng, chống ma túy như sau:

1. Khoản 1 Điều 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Nhóm chỉ tiêu về người sử dụng trái phép chất ma túy, người nghiện ma túy, cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện bao gồm:

a) Các chỉ tiêu về người sử dụng trái phép chất ma túy, người nghiện ma túy:

- Chỉ tiêu về số người sử dụng trái phép chất ma túy, người nghiện ma túy: tổng số người sử dụng trái phép chất ma túy, người nghiện ma túy có hồ sơ quản lý; số người sử dụng trái phép chất ma túy, người nghiện ma túy đang trong các trại tạm giam, nhà tạm giữ, trại giam, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng; số người nghiện ma túy đang trong các cơ sở cai nghiện.

- Chi tiêu về người sử dụng trái phép chất ma túy, người nghiện ma túy: họ tên, năm sinh; độ tuổi (dưới 14 tuổi, từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi, từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi, từ đủ 18 đến 30 tuổi, từ đủ 30 tuổi trở lên); giới tính (nam, nữ); dân tộc (Kinh, khác); nơi cư trú; trình độ học vấn (chưa biết chữ; giáo dục phổ thông: lớp mấy; trung cấp; cao đẳng; đại học); nghề nghiệp (có nghề nghiệp, không nghề nghiệp); thời gian và chất ma túy sử dụng; các hình thức, biện pháp cai nghiện đã áp dụng; tiền án hoặc đã bị xử lý vi phạm hành chính.

b) Các chỉ tiêu về cai nghiện ma túy bao gồm: Số người nghiện được cai nghiện; số người cai nghiện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện, trại tạm giam, trại giam, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng.

c) Các chỉ tiêu về quản lý người sau cai nghiện ma túy bao gồm: Số người được quản lý tại cơ sở quản lý sau cai nghiện; số người được quản lý sau cai tại nơi cư trú do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thực hiện; số người tái nghiện sau cai nghiện 1 năm, 2 năm, 3 năm, 4 năm, 5 năm.

d) Các chỉ tiêu về dạy nghề, tạo việc làm, cho vay vốn cho người sau cai nghiện ma túy gồm: Số người được dạy nghề, số người được tạo việc làm, số người được cho vay vốn, tổng số vốn đã cho vay.

đ) Chi tiêu về xã, phường, thị trấn không có tệ nạn ma túy.”

2. Điểm c, d, đ khoản 2 Điều 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“c) Các chỉ tiêu về truy tố tội phạm về ma túy bao gồm: Số vụ, số bị can bị truy tố về tội phạm ma túy theo tội danh, độ tuổi (từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi, từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi, từ đủ 18 đến 30 tuổi, từ đủ 30 tuổi trở lên); giới tính (nam, nữ); nghề nghiệp (có nghề nghiệp, không nghề nghiệp); quốc tịch (Việt Nam, nước ngoài, không quốc tịch); dân tộc (Kinh, khác).

d) Các chỉ tiêu về xét xử tội phạm về ma túy bao gồm: Số vụ, số bị cáo phạm tội ma túy theo tội danh, độ tuổi (từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi, từ đủ 16 - dưới 18 tuổi, từ đủ 18 đến 30 tuổi, từ đủ 30 tuổi trở lên); giới tính (nam, nữ); nghề nghiệp (có nghề nghiệp, không nghề nghiệp); quốc tịch (Việt Nam, nước ngoài, không quốc tịch); dân tộc (Kinh, khác) và mức hình phạt.

đ) Các chỉ tiêu về thi hành án các tội phạm về ma túy gồm: Số vụ, số tiền, số chất ma túy, tiền chất, số đối tượng phạm tội về ma túy thi hành án theo tội danh; độ tuổi (từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi, từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi, từ đủ 18 đến 30 tuổi, từ đủ 30 tuổi trở lên); giới tính (nam, nữ); nghề nghiệp (có nghề nghiệp, không nghề nghiệp); quốc tịch (Việt Nam, nước ngoài, không quốc tịch); dân tộc (Kinh, khác) và mức án thi hành.”

3. Khoản 4 Điều 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“a) Các chỉ tiêu về xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất; thuốc dạng phối hợp được chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa được chất hướng

thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất; nguyên liệu là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất, thuốc thú y có chứa chất ma túy, hoạt chất hướng thần và tiền chất;

b) Các chỉ tiêu về tồn trữ, mua bán, sản xuất, sử dụng hợp pháp chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất; thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất; nguyên liệu là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất, thuốc thú y có chứa chất ma túy, hoạt chất hướng thần và tiền chất;”

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

“Điều 7. Trách nhiệm của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

1. Thống kê số liệu về người nghiện ma túy và cai nghiện ma túy trong các cơ sở cai nghiện, tại gia đình, cộng đồng theo các chỉ tiêu quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2.

2. Thống kê số liệu về giải quyết các vấn đề xã hội sau cai nghiện theo các chỉ tiêu quy định tại điểm c, d khoản 1 Điều 2.

3. Thống kê số liệu về hợp tác quốc tế theo các chỉ tiêu quy định tại điểm a khoản 5 và việc sử dụng kinh phí cho công tác phòng, chống ma túy quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 2.

4. Thống kê số liệu học sinh, sinh viên, giáo viên, giảng viên, cán bộ, nhân viên nghiện ma túy trong hệ thống các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo các chỉ tiêu sau:

a) Chỉ tiêu về học sinh, sinh viên, giáo viên, giảng viên, cán bộ, nhân viên nghiện ma túy theo từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và theo từng cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

b) Chỉ tiêu về học sinh, sinh viên bỏ học, buộc thôi học do nghiện ma túy.

c) Chỉ tiêu về học sinh, sinh viên, giáo viên, giảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động phạm tội về ma túy.

d) Chỉ tiêu về tình hình và kết quả công tác phòng, chống tệ nạn ma túy trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp.”

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

“Điều 8. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng

Thống kê số liệu về phòng, chống tội phạm ma túy theo các chỉ tiêu quy định tại điểm a, b, c, d, đ khoản 2, khoản 5, 6, 7, 8 Điều 2.”

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:

“Điều 9. Trách nhiệm của Bộ Y tế

Thông kê số liệu về thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất; thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất; nguyên liệu là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất sử dụng trong lĩnh vực y tế, phân tích, kiểm nghiệm và nghiên cứu khoa học theo các chỉ tiêu quy định tại khoản 4, khoản 8 Điều 2 và các chỉ tiêu sau:

- a) Kết quả nghiên cứu thuốc và phương pháp hỗ trợ điều trị nghiện ma túy.
- b) Sổ Giấy phép lưu hành thuốc hỗ trợ điều trị nghiện ma túy được cấp, thu hồi.
- c) Số liệu người nghiện các chất dạng thuốc phiện được điều trị bằng thuốc thay thế.
- d) Số liệu người đã được cơ quan y tế xác nhận tình trạng nghiện.
- đ) Số liệu dự trữ nhu cầu sử dụng các chất gây nghiện, chất hướng thần và tiền chất trong y tế.”

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

“Điều 10. Trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Báo cáo thống kê về các Chương trình dự án mà Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai phục vụ cho việc chống trồng cây có chứa chất ma túy.

2. Thông kê số liệu về xuất khẩu, nhập khẩu, mua bán, sản xuất, tồn trữ và sử dụng thuốc thú y có chứa chất ma túy, hoạt chất hướng thần và tiền chất theo các chỉ tiêu quy định tại khoản 4, khoản 8 Điều 2.”

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:

“Điều 11. Trách nhiệm của Bộ Công Thương

Thông kê số liệu về xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, mua bán, sản xuất, tồn trữ và sử dụng tiền chất trong lĩnh vực công nghiệp, thương mại theo các chỉ tiêu quy định tại khoản 4, khoản 8 Điều 2.”

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

“Điều 12. Trách nhiệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Thông kê số liệu học sinh, sinh viên, giáo viên, giảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động nghiện ma túy và công tác phòng, chống ma túy trong các trường học chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo (cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục đại học và các trường cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm) theo các chỉ tiêu sau:

1. Chỉ tiêu về học sinh, sinh viên, giáo viên, giảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động nghiện ma túy theo từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và theo từng trường học.

2. Chỉ tiêu về học sinh, sinh viên bỏ học, buộc thôi học do nghiện ma túy.

3. Chỉ tiêu về học sinh, sinh viên, giáo viên, giảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động phạm tội về ma túy.

4. Chỉ tiêu về tình hình và kết quả công tác phòng, chống tệ nạn ma túy trong trường học.”

10. Sửa đổi, bổ sung Điều 17 như sau:

“Điều 17. Trách nhiệm của Bộ Tư pháp

Thống kê số liệu về phòng, chống ma túy theo các chỉ tiêu sau:

1. Số liệu về thi hành án dân sự các tội phạm về ma túy quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 2.

2. Chỉ tiêu về sửa đổi, bổ sung và ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống ma túy.

3. Chỉ tiêu về tài sản được thi hành án từ các vụ án phạm tội về ma túy.

4. Chỉ tiêu về lưu giữ, bảo quản, tiêu hủy, xử lý chất ma túy, tiền chất là tang vật của các vụ án ở từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong giai đoạn thi hành án.”

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 21 như sau:

“Điều 21. Trách nhiệm của Bộ Công an

1. Thực hiện thống kê nhà nước về phòng, chống ma túy; quản lý thông tin các tội phạm về ma túy, cụ thể:

a) Tổng hợp và hệ thống hoá thông tin thống kê về phòng, chống ma túy của các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

b) Xây dựng và quản lý dữ liệu về phòng, chống ma túy.

c) Chỉ đạo lực lượng Công an các cấp giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp thu thập, quản lý thông tin thống kê về phòng, chống ma túy.

2. Thống kê số liệu tội phạm và đấu tranh chống tội phạm về ma túy theo các chỉ tiêu quy định tại điểm a, b khoản 2; khoản 4, 5, 6, 7, 8 Điều 2.

3. Thống kê số liệu người sử dụng trái phép chất ma túy, người nghiện ma túy hiện tại chưa được cai nghiện ngoài xã hội, trong nhà tạm giữ; người sử dụng trái phép chất ma túy, người nghiện ma túy và cai nghiện ma túy trong các trại giam, trại tạm giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng theo các chỉ tiêu quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 2. Phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để thống nhất số liệu về cai nghiện ma túy cả nước.

4. Là đầu mối phối hợp thực hiện trao đổi, hợp tác quốc tế về thống kê phòng, chống ma túy.

5. Thống kê chỉ tiêu về xã, phường, thị trấn không có tệ nạn ma túy.”

12. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 29 như sau:

“2. Thời hạn báo cáo: Trước ngày 05 của tháng sau.”

13. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 32 như sau:

“1. Kỳ hạn báo cáo

a) Báo cáo 6 tháng số liệu tính từ ngày 01 tháng 11 của năm trước đến ngày 30 tháng 4 của năm làm báo cáo.

b) Báo cáo năm số liệu tính từ ngày 01 tháng 11 của năm trước đến ngày 31 tháng 10 của năm làm báo cáo.”

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 4 năm 2019.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Đề nghị Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao căn cứ quy định tại Quyết định này phối hợp với Bộ Công an, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức hướng dẫn thực hiện Quyết định này.

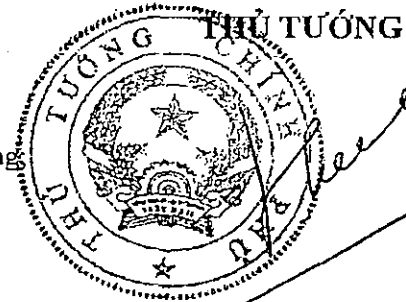
Đề nghị Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên giám sát việc thực hiện Quyết định này.

3. Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác thống kê về phòng, chống ma túy để thống nhất thực hiện trên toàn quốc; hướng dẫn, kiểm tra và thi hành Quyết định này.

4. Các bộ, ngành, địa phương xây dựng hệ thống biểu mẫu thống kê và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong báo cáo, thống kê về phòng, chống ma túy./

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2). PC 205



Nguyễn Xuân Phúc